

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2021**

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trên cơ sở các Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng và ban hành Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính; Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND huyện về việc ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 05/02/2021 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 29/10/2020; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 11/9/2020 theo đúng thời gian quy định.

Qua đó đã phân công các cơ quan, đơn vị phụ trách các nội dung, công việc CCHC, tạo cơ sở để phối hợp tham mưu chỉ đạo, quản lý thực hiện các nội dung cải cách hành chính được thuận lợi, hiệu quả. Đã chỉ đạo UBND các xã chủ động xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 dựa trên kế hoạch cải cách hành chính của huyện, tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2021; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 08/01/2021 về tuyên truyền, phổ biến giáo dục, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021. Thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch của huyện, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch của tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tuyên truyền về công tác CCHC với rất nhiều hình thức: Truyền truyền công tác CCHC trong các buổi tuyên truyền giáo dục pháp luật tại các xã, trên phương tiện thông tin truyền thông của huyện; cấp phát được 250 tài liệu xuống các thôn, làng; tuyên truyền trong nội bộ cơ quan, đơn vị và trên Cổng/Trang thông tin điện tử huyện, xã; tiếp tục thực hiện Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 về việc Phê duyệt nội dung tuyên truyền “Hướng dẫn quy trình thực hiện hồ sơ qua Dịch vụ công trực tuyến và Bưu chính công ích” trên mặt sau của Phiếu tiếp nhận và trả kết quả và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp nhận giải quyết TTHC thực hiện in nội dung tuyên truyền tại mặt sau của phiếu tiếp nhận và trả kết quả tại Công văn số 1135/UBND-NV ngày 03/7/2020.

Công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, kịp thời, có hiệu quả, góp phần phản ánh tình hình thực hiện cải cách hành chính tại địa phương. Cơ bản đã được các tổ chức cá nhân ủng hộ và tích cực tham gia vào hoạt động CCHC của huyện.

Để tăng cường sử dụng dịch vụ công mức độ 3, 4, dịch vụ bưu chính công ích trong tình hình dịch Covid-19, UBND huyện đã ban hành Công văn số 231/UBND-VP ngày 09/02/2021 của UBND huyện về việc tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã đã nghiêm túc triển khai thực hiện. Đồng thời, triển khai xây dựng 10 cụm pa nô tuyên truyền về cải cách hành chính đặt tại Trung tâm huyện và 09 UBND xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về cải cách thể chế

Công tác rà soát văn bản QPPL tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 31/12/2020 về triển khai công tác văn bản QPPL trên địa bàn để triển khai trên địa bàn huyện.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật luôn được UBND huyện quan tâm, chỉ đạo và đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16/01/2021 về theo dõi thi hành pháp luật và quản lý xử phạt vi phạm hành chính năm 2021; Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về việc thành lập đoàn kiểm tra xử lý vi phạm hành chính năm 2021; dự kiến sẽ tiến hành kiểm tra trong thời gian tới. Đến nay, đã tiến hành kiểm tra tại 02 xã Ia Broãi, Pờ Tó theo kế hoạch và báo cáo kết quả kiểm tra tại Báo cáo số 01/BC-ĐKT ngày 07/9/2021. Công tác điều tra, khảo sát đã được UBND huyện quan tâm, hiện nay đã tiến hành điều tra, khảo sát 30 phiếu, dự kiến sẽ tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát trong thời gian tới.

Công tác kiểm tra, thẩm định văn bản QPPL: Thực hiện luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong 9 tháng đầu năm 2021, UBND huyện chưa kiểm tra, thẩm định văn bản QPPL nào, do chưa ban hành văn bản QPPL.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

2.1 Thực hiện cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương, của tỉnh

Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch kiểm soát, kế hoạch rà soát thủ tục hành chính (*Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND huyện về việc ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 05/02/2021 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021*). Theo đó, UBND huyện đã đưa ra lộ trình, mốc thời gian thực hiện, phân công nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị, UBND các xã thực hiện rà soát, kiểm soát, đánh giá thủ tục hành chính để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định về thủ tục hành chính không cần thiết, không phù hợp. Hàng quý, UBND huyện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Ia Pa theo đúng thời gian quy định (*Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 17/3/2021, Báo cáo số 170/BC-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện*).

2.2 Kiểm soát thủ tục hành chính

a) Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương: Đến ngày 14/9/2021, đơn vị đã cập nhật và kiểm soát được 299 thủ tục hành chính trên các lĩnh vực được Chủ tịch UBND tỉnh công bố thuộc thẩm quyền giải

quyết của UBND huyện; 173 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đang còn hiệu lực.

b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Công văn số 4551/VP-NC ngày 22/12/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc đề nghị các đơn vị đăng ký nội dung rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã đăng ký nội dung rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 (*Công văn số 2239/UBND-VP ngày 28/12/2020 về việc đăng ký nội dung rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021*), đồng thời đã thực hiện đăng ký rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 gửi về Văn phòng UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định. Theo đó, UBND huyện đã đề nghị bỏ văn bản làm chứng hoặc giấy cam đoan về việc sinh khi không có giấy chứng sinh đối với thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (*Công văn số 09/UBND-VP ngày 04/01/2021 về việc đăng ký nội dung rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021*). Ngày 14/8/2021, UBND huyện đã báo cáo kết quả rà soát TTHC; theo đó, UBND huyện đề nghị sửa đổi Khoản 1, Điều 36 Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014, đồng thời tính toán được lợi ích của việc đơn giản hoá TTHC, tiết kiệm được 5.676.600 đồng/năm (*Báo cáo số 248/BC-UBND ngày 14/8/2021 của UBND huyện*).

Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị: Việc niêm yết, công khai thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo mẫu tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã được UBND huyện triển khai thực hiện và cập nhật đầy đủ, kịp thời (Thông báo số 48/TB-UBND ngày 11/6/2021 về việc thông báo đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về giải quyết thủ tục hành chính tại UBND huyện Ia Pa); được thực hiện thông báo công khai trên phương tiện truyền thanh, truyền hình; Cổng thông tin điện tử huyện, xã; niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa huyện, trụ sở UBND các xã. Đến ngày 14/9/2021, chưa có tổ chức, công dân nào phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính cũng như việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa huyện.

c) Về công khai thủ tục hành chính

UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện niêm yết công khai đầy đủ 299 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, 173 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. Các TTHC được công khai cụ thể như: Thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết; phí, lệ phí giải quyết TTHC... trên bảng cố định tại Bộ phận một cửa huyện, ở vị trí thích hợp, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân dễ tiếp cận để tra cứu, tìm hiểu các thông tin TTHC.

Bên cạnh việc niêm yết công khai TTHC tại Bộ phận Một cửa, đơn vị cũng công khai đầy đủ nội dung các TTHC trên Cổng thông tin điện tử huyện (tại địa chỉ: <http://iapa.gialai.gov.vn/>). Đồng thời, công khai đầy đủ thông tin địa chỉ, hộp thư điện tử, số điện thoại chuyên dùng, hòm thư góp ý của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại các cơ quan, đơn vị, UBND

xã để thuận tiện cho việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của công dân, cơ quan, tổ chức về quy định hành chính và các thủ tục hành chính.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1 Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, địa phương

Tổ chức sắp xếp các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020. UBND huyện đã trình HĐND huyện xem xét, quyết định về việc giải thể Phòng Y tế và chuyển chức năng quản lý nhà nước về y tế cho Văn phòng HĐND-UBND huyện tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 21/12/2020. Hiện nay, UBND huyện có 12 cơ quan chuyên môn hành chính và 30 đơn vị sự nghiệp. Tổng số biên chế hành chính của huyện là 63/78 công chức; viên chức: 730/746; HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 37/37 (NĐ68: hành chính 4/4, sự nghiệp: 33/33). Các cơ quan, đơn vị đã ban hành và thực hiện tốt quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

3.2 Về thực hiện phân cấp quản lý

Đã thực hiện phân cấp quản lý theo đúng quy định, thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp.

Thực hiện Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND về việc ban hành quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai. Theo đó, UBND huyện đã hướng dẫn thực hiện 09 nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện (*Công văn số 104/UBND-NV ngày 23/01/2019*). Đến thời điểm này, chưa đề xảy ra vi phạm nào liên quan đến việc chồng chéo trong công tác phân cấp quản lý.

Từ đầu năm tới nay, UBND huyện không có nội dung kiểm tra về phân cấp quản lý và không có sở, ban, ngành nào thực hiện công tác kiểm tra UBND huyện về nội dung phân cấp quản lý.

3.3 Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cơ quan, địa phương

Đã thực hiện theo đúng các văn bản quy định hiện hành về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc gắn với đặc thù công việc của từng cơ quan, đơn vị.

3.4 Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; đã tham mưu xây dựng, cập nhật quy chế hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả huyện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế một cửa: UBND huyện và UBND 9 xã trên địa bàn huyện.

- Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa: 299 TTHC cấp huyện, 173 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

- Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông liên thông: 35 TTHC.

- Theo thống kê trên sổ theo dõi Hệ thống một cửa điện tử huyện, việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa huyện, từ ngày 01/01/2021 đến ngày 14/9/2021, như sau:

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 7.950 hồ sơ, trong đó: Cấp huyện 1.151 hồ sơ, cấp xã 6.799 hồ sơ

+ Số hồ sơ đã giải quyết xong đúng hạn: 7.866 hồ sơ (cấp huyện: 1.067 hồ sơ, cấp xã 6.799 hồ sơ); đang giải quyết: 65 hồ sơ (cấp huyện 65 hồ sơ, cấp xã 0 hồ sơ)

+ Số hồ sơ giải quyết trễ hạn: 19 hồ sơ

Việc xin lỗi cá nhân, tổ chức đối với hồ sơ giải quyết quá hạn: Đến ngày 14/9/2021, đơn vị không có hồ sơ trễ hạn. *(Có phụ lục xin lỗi kèm theo).*

3.5 Tình hình triển khai đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn huyện

Nhằm triển khai có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Thông báo số 160/TB-VPUB ngày 27/12/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc kết luận của đồng chí Đỗ Tiến Đông, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, tại Hội nghị sơ kết thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Gia Lai sang Bưu điện và Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Gia Lai để Bưu điện thực hiện, ngày 14/01/2021, Ủy ban nhân dân huyện đã có buổi làm việc trực tiếp với Bưu điện tỉnh Gia Lai về việc chuyển giao Bộ phận Một cửa huyện, Bộ phận Một cửa xã Ia Mron qua Bưu điện huyện Ia Pa và Bưu điện xã Ia Mron. Theo đó, lãnh đạo UBND huyện đã thống nhất chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công.

Ngày 28/01/2021, UBND huyện đã tiến hành kí văn bản thỏa thuận (Văn bản thỏa thuận số 01/2021/UBNDH-BĐGL ngày 28/01/2021) chuyển giao và phối hợp khai trương Bộ phận Một cửa huyện tại Bưu điện huyện *(địa chỉ: Lô 02, Hùng Vương, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai)*, Bộ phận Một cửa xã Ia Mron tại Bưu điện xã Ia Mron.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện và UBND xã Ia Mron được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như: Tủ đựng hồ sơ, máy vi tính, máy in, máy scan, bàn ghi chép hồ sơ, máy tra cứu thông tin hồ sơ, màn hình thể hiện thông tin giải quyết hồ sơ, hệ thống camera giám sát...Tất cả được bố trí ngăn nắp, lịch sự tạo sự thuận lợi cho tổ chức, công dân đến giao dịch. Thiết bị cấp huyện, cấp xã do Bưu điện huyện bố trí phù hợp với nhận diện thương hiệu của Bưu điện Việt Nam (VNPost).

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND xã Ia Mron thực hiện chuyển giao và hướng dẫn nhân viên Bưu điện trong việc tiếp nhận, trả hồ sơ giải quyết TTHC đối với những TTHC cơ quan, đơn vị phụ trách. Nhân viên Bưu điện tiếp cận công việc nhanh, thường xuyên học hỏi, trau dồi kiến thức phục vụ công việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đến nay, cơ bản nhân viên Bưu điện đã tiếp nhận được tất cả TTHC được chuyển giao, một số hồ sơ có tính chất phức tạp, nhân viên bưu điện có đề nghị sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn. Bưu điện thực hiện bố trí

02 nhân viên tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC cho 10 phòng, ban cấp huyện, 01 nhân viên tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tất cả các lĩnh vực cấp xã. Tất cả các nhân viên Bưu điện được tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Một cửa đều có lý lịch rõ ràng; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất, đạo đức, tinh thần trách nhiệm trong công việc, tác phong, thái độ giao tiếp lịch sự; cư xử hòa nhã, cởi mở, thân thiện với công dân; có trình độ chuyên môn, năng lực phù hợp; được đào tạo và nắm vững các kỹ năng, nghiệp vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết các TTHC và thu phí, lệ phí; có đủ sức khỏe, ý thức tổ chức kỷ luật để thực hiện nhiệm vụ; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng và các trang thiết bị phục vụ công việc.

Sau khi chuyển giao sang Bưu điện, UBND huyện đã kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, đã phân công cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND huyện làm Trưởng bộ phận, Giám đốc Bưu điện huyện làm Phó trưởng Bộ phận chịu trách nhiệm quản lý nhân viên của đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện (tại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND huyện); thường xuyên theo dõi hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, giám sát việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Bưu điện; phối hợp với Bưu điện niêm yết đầy đủ TTHC hành chính tại bảng niêm yết TTHC; Công khai phí, lệ phí giải quyết TTHC; Niêm yết công khai thông tin, địa chỉ, email, số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện/xã theo quy định tại Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh; Niêm yết đầy đủ nội quy, chuẩn mực giao tiếp hành chính tại Bộ phận một cửa.

* Kết quả tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC sau khi chuyển giao nhiệm vụ cho nhân viên Bưu điện thực hiện, công tác tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI.

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Kết quả giải quyết						Số lượng hồ sơ sau khi tiếp nhận phải bổ sung thành phần/trả hồ sơ
			Tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Tiếp nhận trực tiếp tại Bộ phận Một cửa các cấp	Trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp	Đang xử lý	
1	Ủy ban nhân dân huyện	1.151	345	0	443	806	1.086	65	10
2	UBND xã Ia Mron	634	0	0	0	634	634	0	0

4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1 Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Đã xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong cơ quan hành chính; bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (*Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện; Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức trong các đơn vị trường học*).

Theo Văn bản số 1609/SNV-TCBC của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm và biên chế, ngày 16/10/2020, UBND huyện đã ban hành Công văn số 1811/UBND-NV về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/NĐ-CP về vị trí việc làm và biên chế để triển khai thực hiện và báo cáo Sở Nội vụ phê duyệt tại Công văn số 139/UBND-NV ngày 22/01/2021; Công văn số 140/UBND-NV ngày 22/01/2021 về việc báo Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và trong cơ quan hành chính huyện.

4.2 Về cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số Cán bộ, công chức cấp xã hiện có: 170 người (*không bao gồm công an chính quy*), cụ thể về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 02/170 (1,2%); Đại học: 91/170 (53,5%); Cao đẳng: 10/170 (5,9%); Trung cấp: 60/170 (35,3%); Sơ cấp: 01/170 (0,6%); Chưa qua đào tạo: 6/170 (3,5%).

- Lý luận chính trị: Cao cấp: 12/170 (7,1%); Trung cấp: 149/170 (87,6%); Sơ cấp: 8/170 (4,7%); chưa qua đào tạo: 1/170 (0,6%).

4.3 Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện tiếp tục được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương.

4.4 Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện. Trên cơ sở Quyết định số 124/QĐ-TTg, đã xây dựng Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 23/3/2021 về triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã năm 2021. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra trên địa bàn tỉnh nên tính đến thời điểm hiện nay chưa cử được lượt CBCC nào tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh tổ chức.

5. Cải cách tài chính công

5.1 Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Trên cơ sở Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, các văn bản hướng dẫn là một bước quan trọng giúp giảm thiểu và đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính về thuế, làm giảm thiểu thời gian thực hiện thủ tục hành chính về thuế của người nộp thuế.

Việc tổ chức thực hiện các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và chính sách an sinh xã hội: Thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành, các khoản thuế thu nộp ngân sách nhà nước được trích theo đúng tỷ lệ; tiền lương, tiền công của người lao động cấp đủ cho các cơ quan, đơn vị.

5.2 Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế, khoán chi quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP, đến nay, đã thực hiện hoàn chỉnh việc giao tự chủ cho 18/18 đơn vị quản lý hành chính.

Tổng số 32/32 đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó: 29 đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; 01 đơn vị lĩnh vực sự nghiệp truyền thông, văn hóa thể thao và du lịch; 02 đơn vị sự nghiệp kinh tế.

Nhìn chung các đơn vị được giao thực hiện quyền tự chủ đã có chuyển biến về chất lượng và hiệu quả công việc cụ thể như: Tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan và tăng cường giám sát việc sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các dịch vụ công như y tế, giáo dục, phát thanh truyền hình, thông tin lưu động...triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn huyện.

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP

Tiếp tục thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính, quy định chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước, năm 2021 có 18/18 đơn vị thực hiện khoán biên chế, chi hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Tổng số cơ quan cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 18 cơ quan
- Cơ quan thực hiện chế độ tự chủ: 18 cơ quan
- Tổng số cơ quan đã ban hành cơ chế chi tiêu nội bộ: 18 cơ quan
- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế quản lý tài sản công: 18 cơ quan
- Tổng số cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên: 0 cơ quan.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

Tổng đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện là 33 đơn vị sự nghiệp, trong đó có 32 đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, 01 đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện được giao thực hiện quyền tự chủ đã có chuyển biến về chất lượng và hiệu quả công việc cụ thể như: Tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan và tăng cường giám sát của cán bộ, nhân viên trong việc sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các dịch vụ công như y tế, giáo dục, phát thanh, truyền hình, thông tin lưu động...triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn huyện.

- Có 31 đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP đạt 100% trong đó:

- + Số đơn vị tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên: 0 đơn vị.
- + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 0 đơn vị.
- + Số đơn vị do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 31 đơn vị.
- Tổng số đơn vị sự nghiệp cấp huyện cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 31 đơn vị.
- Tổng số cơ quan đã thực hiện chế độ tự chủ: 31 đơn vị.
- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 31 đơn vị.
- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế quản lý tài sản công: 31 đơn vị.
- Tổng số cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên: 0 đơn vị.
- Có 01 đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP đạt 100% trong đó:
- + Số đơn vị tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên: 01 đơn vị.
- + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 01 đơn vị.
- + Số đơn vị do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 0 đơn vị.
- Tổng số đơn vị sự nghiệp cấp huyện cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 01 đơn vị.
- Tổng số cơ quan đã thực hiện chế độ tự chủ: 01 đơn vị.
- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 01 đơn vị.
- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế quản lý tài sản công: 01 đơn vị.
- Tổng số cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên: 0 đơn vị.

5.3 Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, thể dục, thể thao

Ủy ban nhân dân huyện đã sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; tập trung vốn Nhà nước để đầu tư các công trình trên các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao. Tuy nhiên, do là huyện nghèo, nên việc thu hút xã hội hóa còn nhiều khó khăn, hạn chế, hoạt động chủ yếu vẫn dựa vào nhà ngân sách nhà nước.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

6.1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

Công tác đầu tư các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị đã đạt được một số kết quả tích cực, hình thành nên một môi trường tin học bước đầu phục vụ có hiệu quả công tác cải cách hành chính như: Đầu tư một số trang thiết bị tin học; hạ tầng mạng nội bộ (LAN) của cơ quan và một số phần mềm ứng dụng. 100% các cơ quan chuyên môn có kết nối Internet bằng đường truyền ADSL, cáp quang.

Huyện đã hoàn thành việc đầu tư hệ thống Hội nghị truyền hình xuống cấp xã (9/9 xã), sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng (WAN) từ cấp huyện đến cấp xã. Huyện cũng quan tâm đầu tư thiết bị nhằm đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống sự tấn công từ bên ngoài (*Thiết bị tường lửa Sophos XG 135*). Bên cạnh đó, UBND huyện cũng đầu tư mua phần mềm diệt virus bản quyền (Kaspersky) cho các máy chủ và các máy trạm tại cơ quan, đơn vị. Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu dự phòng của hệ thống Quản lý văn bản điều hành, Một cửa điện tử huyện, xã đầy đủ.

- Về ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan hành chính:

Các phòng ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp và UBND 9 xã đã triển khai thực hiện tốt việc trao đổi văn bản điện tử qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành liên thông. Nhiều đơn vị đã thực hiện tiếp nhận, xử lý và ban hành văn bản đi (được ký số chữ ký số lãnh đạo) qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành liên thông.

Trong 9 tháng đầu năm, đã tham mưu UBND huyện ban hành nhiều văn bản về tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng chữ ký số chuyên dùng, các phần mềm ứng dụng nhằm nâng cao hơn nữa việc ứng dụng CNTT phục vụ CCHC, đồng thời tuyên truyền, khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích nhằm phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và nâng cao chỉ số CCHC như: Công văn 921/UBND-VHTT ngày 03/6/2021, Công văn 361/UBND-VP ngày 05/3/2021, Công văn 1287/UBND-VP ngày 29/7/2021, Công văn 1325/UBND-VP ngày 03/8/2021... Kết quả, 100% các phòng ban chuyên môn thuộc huyện, UBND xã và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện đã thực hiện việc trao đổi văn bản điện tử qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành liên thông một cách hiệu quả, tích cực. 100% cán bộ, công chức đã thực hiện tiếp nhận văn bản đến, xử lý và luân chuyển văn bản đi (kèm dự thảo và được ký số) qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành liên thông. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện đã thực hiện việc ký số văn bản trên Hệ thống phần mềm QLVBĐH theo đúng quy trình, xử lý văn bản điện tử (đến và đi).

- Việc sử dụng mail công vụ: 100% các đơn vị và cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc. 100% cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc

- Về hội nghị trực tuyến: Hệ thống Hội nghị truyền hình được duy trì hoạt động thường xuyên, ổn định và thông suốt. Việc sử dụng hệ thống Hội nghị trực tuyến góp phần giúp các phòng, ban thuộc huyện và UBND các xã có thể tham gia các cuộc họp do tỉnh tổ chức. Từ đầu năm đến nay, UBND huyện đã phối hợp với UBND tỉnh, các sở ngành tổ chức 32 cuộc họp HNTT đảm bảo ổn định, thông suốt.

- Về xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, địa phương: UBND huyện đã xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin

mạng năm 2021 (*Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 29/10/2020*); kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025 (*Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 11/9/2020*) theo đúng thời gian quy định.

Năm 2021, dự kiến chi ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị là 750 triệu. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, tình hình kinh tế của địa phương cũng bị ảnh hưởng không nhỏ nên huyện chủ trương tiết kiệm chi một số nội dung ứng dụng CNTT, chuyển nhiệm vụ sang những năm sau như: Đầu tư mua sắm phần mềm: 150 triệu, mở rộng phần mềm giao việc đến cấp xã: 100 triệu, xây dựng phần mềm tổng hợp kết quả giải quyết hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử huyện: 65 triệu và đầu tư đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng CNTT: 20 triệu. Từ nay đến cuối năm 2021, dự kiến chi 430 triệu cho các nhiệm vụ trọng tâm về ứng dụng CNTT theo Kế hoạch số 109/KH-UBND.

- *Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến*: Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của UBND huyện có 299 TTHC được cung cấp DVCTT mức độ 1, 2; 85 TTHC cung cấp mức độ 3,4. Đến nay, huyện đã tiếp nhận và giải quyết 345 hồ sơ thuộc dịch vụ công mức độ 3,4, trong đó giải quyết đúng hạn 100%.

6.2 Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

UBND huyện đã ban hành mục tiêu chất lượng năm 2021; xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của UBND huyện năm 2021; xây dựng kế hoạch kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các phòng ban chuyên môn thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã; kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo ISO cấp huyện; ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo ISO.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính từ huyện đến xã đã được UBND huyện tập trung quan tâm, chỉ đạo thường xuyên và có những chuyển biến tích cực. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã đã chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo nhiệm vụ cụ thể đã được phân công tại Kế hoạch CCHC của huyện.

2. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

- Các thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi làm cho địa phương còn lúng túng trong việc tổ chức thực hiện.

- Công tác cập nhật, rà soát các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị đôi lúc chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác cập nhật các quy trình luân chuyển hồ sơ trên hệ thống Một cửa điện tử.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CCHC TRONG 3 THÁNG CUỐI NĂM 2021

1. Tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa điện tử” tại UBND huyện và UBND các xã, thiết lập lại tính chuyên nghiệp, quy trình nhận trả hồ sơ, bảo đảm thời gian giải quyết hồ sơ.

2. Áp dụng thực hiện có hiệu quả TCVN ISO 9001:2015 trong tiếp nhận và giải quyết các TTHC; tổ chức kiểm tra đánh giá việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các phòng ban chuyên môn thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã.

3. Tiếp tục hiện đại hóa nền hành chính, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính Nhà nước, giảm hội họp, giấy tờ hành chính, thường xuyên sử dụng phần mềm QLVBĐH và thư điện tử công vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công theo kế hoạch đã đề ra.

4. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai kế hoạch cải cách hành chính; tiếp tục tăng cường vai trò chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các cơ quan hành chính các cấp.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: băng rôn, khẩu hiệu...giúp toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân toàn huyện hiểu và tham gia tích cực công tác cải cách hành chính.

6. Đẩy mạnh việc sử dụng dịch vụ Bru chính công ích, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện.

7. Thường xuyên kiểm tra giờ giấc làm việc tại các cơ quan, đơn vị và UBND các xã.

8. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 về ban hành quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa để UBND tỉnh, Sở Nội vụ biết, theo dõi và chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Trường

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2021 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC	-	-	
1.1.	Kế hoạch CCHC	-	x	Nội vụ
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	32	
1.2.	Kiểm tra CCHC		x	
1.2.1	Tổng số phòng chuyên môn, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	9	
1.2.2	Số phòng chuyên môn, đơn vị, địa phương đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.4	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	-	0	Văn phòng
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao	-	13	
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	-	13	
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	-	11	
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	-	0	
1.5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	-	-	Văn phòng-Một cửa
1.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	300	
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2.	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	Tư pháp
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			Văn phòng
3.1.	Thống kê TTHC	-	-	
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	5	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	472	
Tron g đó	Số TTHC cấp sở:	Thủ tục	0	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	299	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	173	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	0	
3.2.2	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	0	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	-	469	
3.3.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	10	
3.3.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	35	
3.3.3	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC	-	-	
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công	-	-	
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	278	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	85	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực	Thủ tục	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	tuyển.			
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy	-	-	Nội vụ
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	12	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	1	
4.1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	32	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	54,3	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức	-	-	
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	78	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	63	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	5	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập	-	-	
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	746	Nội vụ
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	730	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	4	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0.6	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức	-	-	
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	31	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển,	Người	8	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	xét tuyển)			
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	5	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	34	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo	-	-	
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).	Người	4	
5.4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	31	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Tài chính- Kế hoạch Văn phòng- Văn hóa

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	TT
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	%	100	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	-	-	
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã	-	-	
Tron g đó	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện	Văn bản	-	
Tron g đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	20	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	-	-	
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	0	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến	-	-	
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ	TTHC	85	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	3			
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	85	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	30	

PHỤ LỤC 2

Báo cáo kết quả thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ quá hạn giải quyết của huyện Ia Pa

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2021 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 15 Tháng 9 năm 2021)

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2021 của UBND huyện Ia Pa)

TT	Lĩnh vực/TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng năm 2021			Số hồ sơ giải quyết trong 9 tháng đầu năm 2021									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết								Lũy kế hồ sơ giải quyết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó						
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi		Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị chịu trách nhiệm chính	Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan		Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	$\frac{3+4+5}{3+6+15}$	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15=16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	$\frac{24}{25+26+27}$	25	26	27	28
	Tổng số	7950	0	7950	7885	7866	19				0	0		65	65	0							7950	7866	19	65	0
I	CẤP HUYỆN	1151	0	1151	1086	1067	19				0	0		65	65	0				0			1151	1067	19	65	0
1	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	2	0	2	2	2	0				0			0	0	0					0		2	2	0	0	0
2	Quản lý hoạt động xây dựng	7	0	7	6	6	0				0	0		1	1	0						7	6	0	1	0	
3	Hộ tịch	42	0	42	42	42	0				0			0								42	42	0	0	0	
4	Chứng thực	356	0	356	356	356	0				0	0		0	0	0						356	356	0	0	0	
5	Môi trường	16	0	16	12	12	0				0	0		4	4	0						16	12	0	4	0	
6	Đất đai	283	0	283	228	209	19				0	0		55	55	0						283	209	19	55	0	
7	Hệ thống văn bản, chứng chỉ	7	0	7	7	7	0				0	0		0	0	0						7	7	0	0	0	
8	Thi đua - Khen thưởng	8	0	8	8	8	0				0	0		0	0	0						8	8	0	0	0	
9	Lưu thông hàng hóa trong nước	1	0	1	1	1	0				0	0		0	0	0						1	1	0	0	0	
10	Bảo trợ xã hội	160	0	160	158	158	0				0	0		2	2	0						160	158	0	2	0	
	Phát thanh, truyền hình và truyền thông điện tử	1	0	1	1	1	0				0	0		0	0	0						1	1	0	0	0	
11	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	267	0	267	264	264	0				0	0		3	3	0						267	264	0	3	0	
12	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	1	0	1	1	1	0				0	0		0	0	0						1	1	0	0	0	
II	CẤP XÃ	6799	0	6799	6799	6799	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6799	6799	0	0	0	
1	Lĩnh vực Tư pháp	6779	0	6779	6779	6779	0				0	0		0	0	0					0		6779	6779	0	0	0
2	Lĩnh vực Thi đua -KT	1	0	1	1	1	0				0	0		0	0	0					0		1	1	0	0	0
3	Khiếu nại tố cáo	0	0	0	0	0	0				0	0		0	0	0					0		0	0	0	0	0

4	Lĩnh vực Văn hóa-XH	0	0	0	0	0	0				0	0		0	0	0					0		0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực chính sách										0	0		0	0	0					0		0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực Lao động - TB&XH	17	0	17	17	17	0				0	0		0	0	0					0		17	17	0	0	0
7	Môi trường đất đai	2	0	2	2	2	0				0	0		0	0	0					0		2	2	0	0	0